BỘ TƯ PHÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 182 /BTP-TGPL V/v tổng kết 08 năm triển khai thi hành Luật Trợ giúp pháp lý	*Hà Nội, ngày 20 tháng 1 năm 2015*

SỞ TƯ PHÁP ĐỒNG NAI
CÔNG VĂN ĐẾN SỐ: ____ NGÀY: ____ CHUYỂN: ____

Kính gửi: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh/thành phố ...Đồng Nai...

Thực hiện khoản 2 mục IV, Chỉ thị số 35/2006/CT-TTg ngày 13/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thi hành Luật Trợ giúp pháp lý, Bộ Tư pháp có trách nhiệm quản lý về trợ giúp pháp lý; định kỳ hàng năm kiểm tra, tổng kết tình hình thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Để chuẩn bị cho việc tổng kết 08 năm triển khai thi hành Luật Trợ giúp pháp lý được nghiêm túc, có chất lượng, hiệu quả, kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ và làm cơ sở thực tiễn cho việc đề xuất Quốc hội sửa đổi Luật Trợ giúp pháp lý, Bộ Tư pháp trân trọng đề nghị đồng chí Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Sở Tư pháp phối hợp với các Sở, ban, ngành, đoàn thể có liên quan thực hiện việc tổng kết 08 năm triển khai thi hành Luật Trợ giúp pháp lý và xây dựng báo cáo kết quả theo Đề cương chi tiết gửi kèm theo Công văn này.

Bộ Tư pháp trân trọng đề nghị đồng chí quan tâm chỉ đạo thực hiện và gửi Báo cáo về Bộ Tư pháp ***trước ngày 15/3/2015*** và gửi thư điện tử theo địa chỉ: lttha2@moj.gov.vn. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh cần trao đổi, thảo luận đề nghị đồng chí cử cán bộ liên hệ với đồng chí Lê Thanh Hà - chuyên viên Cục Trợ giúp pháp lý, số điện thoại 046.2739.639.

Trân trọng cảm ơn sự quan tâm phối hợp của đồng chí./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Sở Tư pháp các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương (để thực hiện);
- Trung tâm TGPL nhà nước các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương (để thực hiện);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, Cục TGPL.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thúy Hiền

ĐỀ CƯƠNG
BÁO CÁO TỔNG KẾT 08 NĂM TRIỂN KHAI
LUẬT TRỢ GIÚP PHÁP LÝ
(kèm theo Công văn số 112/BTP-TGPL ngày 20/1/2015 của Bộ Tư pháp)

1. Thực trạng triển khai thi hành Luật Trợ giúp pháp lý

1.1. Xây dựng, hoàn thiện thể chế, hướng dẫn và triển khai thực hiện Luật Trợ giúp pháp lý ở địa phương

Nội dung này đề nghị làm rõ công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, hướng dẫn, tổ chức thực hiện Luật Trợ giúp pháp lý tại địa phương: Việc ban hành kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện Luật của tỉnh/thành phố.

1.2. Tổ chức quán triệt, truyền thông để nâng cao nhận thức của cán bộ và nhân dân về pháp luật trợ giúp pháp lý

Nội dung này đề nghị làm rõ:

- Việc tổ chức quán triệt nội dung cơ bản của Luật Trợ giúp pháp lý và các văn bản hướng dẫn đến các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và người thực hiện trợ giúp pháp lý cũng như các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan (nêu rõ hình thức, nội dung quán triệt,...).

- Nêu các phương thức truyền thông về pháp luật trợ giúp pháp lý (hình thức và nội dung) và đánh giá hiệu quả các phương thức đó, đồng thời đánh giá tỷ lệ người dân biết về quyền được trợ giúp pháp lý trên địa bàn tỉnh/thành phố.

Báo cáo về các số liệu thống kê đối với nội dung này thực hiện theo hướng dẫn (Phụ lục số 1).

1.3. Công tác phát triển mạng lưới tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và người thực hiện trợ giúp pháp lý

Nội dung này đề nghị tập trung vào các vấn đề sau đây:

- Thực trạng củng cố, kiện toàn Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và Chi nhánh của Trung tâm theo quy định tại Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12/01/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và Đề án Quy hoạch mạng lưới Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và Chi nhánh của Trung tâm giai đoạn 2008-2010, định hướng đến 2015 ban hành kèm theo Quyết định số 792/QĐ-TTg ngày 26/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ; thực trạng tổ chức và hoạt động các Tổ, Điểm (nếu có). Đồng thời, đánh giá hiệu quả hoạt động của Chi nhánh, Tổ, Điểm (nếu có) và

nhu cầu củng cố, phát triển tổ chức trợ giúp pháp lý của nhà nước trong điều kiện, yêu cầu mới của thực tiễn.

- Thực trạng huy động các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật thuộc các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tham gia trợ giúp pháp lý so với số lượng các tổ chức này tại địa phương (số lượng và đánh giá hiệu quả hoạt động tham gia trợ giúp pháp lý); đánh giá chất lượng nguồn nhân lực và khả năng huy động trong thời gian tới, đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng tham gia trợ giúp pháp lý của các tổ chức này.

- Thực trạng đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý ở địa phương, bao gồm:

+ Tình hình phát triển đội ngũ Trợ giúp viên pháp lý, cán bộ của Trung tâm; cộng tác viên trợ giúp pháp lý; số lượng Trợ giúp viên pháp lý, cộng tác viên trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng.

+ Thực trạng tham gia hoạt động trợ giúp pháp lý của luật sư, tư vấn viên pháp luật (không phải là cộng tác viên).

+ Đánh giá khả năng huy động đội ngũ luật sư tham gia trợ giúp pháp lý trong thời gian tới, đề xuất giải pháp.

Báo cáo về các số liệu thống kê đối với nội dung này thực hiện theo hướng dẫn (Phụ lục số 2).

1.4. Kết quả hoạt động trợ giúp pháp lý ở địa phương

- Kết quả thực hiện các vụ việc trợ giúp pháp lý:

+ Số lượng (phân loại theo tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý; người thực hiện trợ giúp pháp lý, lĩnh vực, hình thức, diện người được trợ giúp pháp lý, địa điểm thực hiện trợ giúp pháp lý...).

+ Đánh giá về việc đáp ứng nhu cầu trợ giúp pháp lý bằng hình thức tư vấn pháp luật; tỷ lệ vụ án có Trợ giúp viên pháp lý hoặc luật sư cộng tác viên tham gia; tỷ lệ các vụ việc có sự tham gia của Trợ giúp pháp lý từ giai đoạn điều tra hoặc khởi tố; tỷ lệ vụ kiến nghị thi hành pháp luật được giải quyết triệt để.

+ Chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý; đánh giá và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý; lập, quản lý và lưu trữ, khai thác, sử dụng các hồ sơ nghiệp vụ trợ giúp pháp lý.

+ Dự báo nhu cầu trợ giúp pháp lý ở địa phương trong thời gian tới.

- Thực trạng công tác tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng nghiệp vụ trợ giúp pháp lý cho đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý, thành

viên Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý; dự báo nhu cầu và nội dung cần tập huấn, bồi dưỡng trong thời gian tới.

- Thực trạng triển khai công tác trợ giúp pháp lý tại cơ sở (số lượng các đợt trợ giúp pháp lý lưu động, sinh hoạt chuyên đề pháp luật, Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý, số người tham dự, số lượng vụ việc thực hiện; nội dung, số lượng tờ gấp, tài liệu pháp luật phát miễn phí...), đánh giá hiệu quả công tác trợ giúp pháp lý tại cơ sở và dự báo hoạt động này trong thời gian tới.

- Thực trạng phối hợp giữa các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan (cơ quan tiến hành tố tụng, các cơ quan thông tin đại chúng, các tổ chức đoàn thể xã hội, chính quyền cơ sở...); dự báo về công tác này.

- Thực trạng thực hiện các Chương trình giảm nghèo (theo hai giai đoạn từ 2006 – 2010 với 02 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, Chương trình 135 giai đoạn II; giai đoạn 2011 – 2014 với 02 Quyết định số 52/2010/QĐ-TTg và Quyết định số 59/2012/QĐ-TTg).

Báo cáo về các số liệu thống kê đối với nội dung này thực hiện theo hướng dẫn (Phụ lục số 3 và 4).

1.5. Thực trạng công tác kiểm tra, giám sát

- Thực trạng công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý ở địa phương (giám sát của các Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể xã hội; các đoàn kiểm tra liên ngành của Trung ương và các tổ chức khác...).

- Thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý; công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm về trợ giúp pháp lý ở địa phương và kết quả giải quyết của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

1.6. Thực trạng về cơ sở vật chất, kinh phí và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động trợ giúp pháp lý

- Tổng kinh phí cấp cho công tác trợ giúp pháp lý từ khi Luật Trợ giúp pháp lý có hiệu lực pháp luật đến nay (cụ thể từng nguồn: ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, ngân sách từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, Quỹ Trợ giúp pháp lý Việt Nam, dự án hợp tác quốc tế và các nguồn khác nếu có). Trong đó, làm rõ cơ cấu chi (chi thường xuyên, chi không thường xuyên), kinh phí chi hoạt động nghiệp vụ (kinh phí chi cho vụ việc trợ giúp pháp lý). Dự

kiến kinh phí được cấp trong năm 2015 và cho cả giai đoạn từ 2015 đến năm 2017.

- Hiện trạng trụ sở, cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc, phương tiện đi lại của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và Chi nhánh của Trung tâm.

- Thực trạng thực hiện công tác ứng dụng công nghệ thông tin và công tác thống kê, báo cáo, sơ kết, tổng kết về trợ giúp pháp lý ở địa phương.

Báo cáo về các số liệu thống kê đối với nội dung này thực hiện theo hướng dẫn (Phụ lục số 5).

2. Đánh giá chung và những bài học kinh nghiệm

2.1. Đánh giá chung

- Những tác động chính trị, kinh tế và xã hội do kết quả thực hiện Luật Trợ giúp pháp lý

Đánh giá toàn diện về các tác động của hoạt động trợ giúp pháp lý từ khi triển khai Luật Trợ giúp pháp lý và đối với đời sống xã hội trên các mặt: chính trị, pháp lý, kinh tế, xã hội (tác động đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật, cơ quan nhà nước khác có liên quan, chính quyền các cấp, các tổ chức và đặc biệt là đối với người dân ở địa phương, đến đời sống pháp luật và ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật nói chung).

- Những thuận lợi, khó khăn, hạn chế

+ Những thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện Luật Trợ giúp pháp lý; khó khăn, vướng mắc, bất cập nảy sinh từ thực tiễn.

+ Đánh giá những bất cập, hạn chế trong quy định của Luật Trợ giúp pháp lý và các văn bản hướng dẫn triển khai thi hành Luật.

+ Đánh giá về mối quan hệ chồng chéo, mâu thuẫn, trùng lắp giữa quy định của Luật Trợ giúp pháp lý với quy định của các luật, pháp lệnh, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có liên quan.

+ Xác định những vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn công tác trợ giúp pháp lý chưa được pháp luật quy định và cần được pháp luật điều chỉnh.

- Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

Phân tích và làm rõ những nguyên nhân khách quan và chủ quan tác động đến việc triển khai thực hiện Luật Trợ giúp pháp lý ở địa phương; chỉ rõ những nguyên nhân cơ bản và các giải pháp khắc phục, xử lý.

2.2. Những bài học kinh nghiệm

Nêu những kinh nghiệm, những mô hình, cách làm mới và hiệu quả được vận dụng ở địa phương để triển khai hiệu quả Luật Trợ giúp pháp lý và kiến nghị có thể nhân rộng trong toàn quốc.

3. Kiến nghị, đề xuất

- Nêu những kiến nghị, đề xuất của địa phương để tiếp tục điều chỉnh chính sách, hoàn thiện thể chế, tăng cường công tác quản lý nhà nước và hợp tác quốc tế... khắc phục những vướng mắc, bất cập, hạn chế nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác trợ giúp pháp lý ở địa phương, bảo đảm phát triển bền vững hoạt động trợ giúp pháp lý nói chung.

- Đề xuất những nội dung cần sửa đổi Luật Trợ giúp pháp lý như: khái niệm trợ giúp pháp lý, người được trợ giúp pháp lý; người thực hiện trợ giúp pháp lý; tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý; phạm vi, hình thức, lĩnh vực, hoạt động trợ giúp pháp lý; quản lý nhà nước, chính sách xã hội hóa trong hoạt động trợ giúp pháp lý...), đề nghị nêu rõ định hướng sửa đổi, bổ sung./.

Phụ lục 1

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG PHÁP LUẬT VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

(Từ năm 01/01/2007 đến 31/12/2014)

Số lượng tờ gấp pháp luật		Số lượng tài liệu pháp luật khác		Số lượng băng cassette/VCD/CD		Số lượng Băng thông tin, Hộp tin tại UBND xã, phường, thị trấn	Số lượng Bảng thông tin, Hộp tin tại các cơ quan tiến hành tố tụng	Số lượng Bảng thông tin, Hộp tin tại địa điểm khác (Nhà văn hóa, Điểm bưu điện văn hóa xã, ...)	Chuyên trang, chuyên mục trên đài phát thanh, đài truyền hình, báo ... *	
Tiếng Việt	Tiếng dân tộc thiểu số	Tiếng Việt	Tiếng dân tộc thiểu số	Tiếng Việt	Tiếng dân tộc thiểu số				Số lượng	Tần suất (ví dụ: 3 lần/tuần)

Ghi chú:

* : Nêu rõ tổng số chuyên trang, mục và ghi chú trên phương tiện thông tin đại chúng nào (báo, đài phát thanh, truyền hình...), định kỳ hay không

Phụ lục 2

TỔ CHỨC BỘ MÁY, BIÊN CHẾ, CỘNG TÁC VIÊN, CHI NHÁNH, TỔ, ĐIỂM, CÂU LẠC BỘ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ Ở ĐỊA PHƯƠNG

I. Số liệu về tổ chức bộ máy, biên chế, cộng tác viên, Chi nhánh Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý ở địa phương (tính đến ngày 31/12/2014)

Stt	Nội dung		Số lượng	Ghi chú
I.	**Cán bộ**			
1.	**Số biên chế được giao**			
2.	**Tổng số cán bộ hiện có** *(gồm Hợp đồng số 68)**			
2.1	Trợ giúp viên pháp lý	Làm việc chuyên trách tại Trung tâm		
		Làm việc chuyên trách tại Chi nhánh		
2.2	Chuyên viên			
2.3	Kế toán	CT		
		KN		
2.4	Cán bộ khác			
II.	**Ngạch Trợ giúp viên pháp lý**			
1	Trợ giúp viên pháp lý chính và tương đương			
2	Trợ giúp viên pháp lý			
III.	**Đào tạo nghề luật sư**			
1	Chưa được đào tạo nghề luật sư (mà không thuộc trường hợp được miễn đào tạo nghề luật sư theo Luật Luật sư)			
2	Đã được đào tạo nghề luật sư			
3	Đã được miễn đào tạo nghề luật sư theo Luật Luật sư			
IV.	**Trình độ Trợ giúp viên pháp lý**			
1	Tiến sĩ			
2	Thạc sĩ			
3	Đại học Luật			
V.	**Trình độ chuyên viên**			
1	Có bằng đại học luật			
2	Chưa có bằng đại học luật			

Ghi chú:

- Các chữ viết tắt:

+ CT: Chuyên trách

+ KN: Kiêm nhiệm

*:Viên chức thuộc đối tượng người lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp ghi vào cột "Ghi chú"

II. Số liệu về Chi nhánh

	Nội dung	Số lượng
	Tổng số Chi nhánh của Trung tâm	
Tổ chức bộ máy	CN có trưởng CN chuyên trách là TGVPL	
	CN có trưởng CN chuyên trách chưa là TGVPL	
	CN có trưởng CN kiêm nhiệm là TGVPL	
	CN có trưởng CN chuyên trách chưa là TGVPL	
	CN chưa có trưởng CN	
	CN có TGVPL (không tính trưởng CN)	
	CN chỉ có chuyên viên không có TGVPL	
Hoạt động	CN chưa thực hiện được vụ việc TGPL nào kể từ khi thành lập	
	CN thực hiện dưới 5 vụ việc TGPL/năm	
	CN thực hiện từ 5 – 10 vụ việc TGPL/năm	
	CN thực hiện từ 10 - 20 vụ việc TGPL/năm	
	CN thực hiện trên 20 vụ việc TGPL/năm	
Cơ sở vật chất	CN có trụ sở riêng	

Ghi chú:
+ CN: Chi nhánh
+ TGVPL: Trợ giúp viên pháp lý
+ TGPL: Trợ giúp pháp lý

III. Số liệu về các tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý

Stt	Tiêu chí	Tổng số	Công ty Luật	Văn phòng Luật sư	Trung tâm tư vấn pháp luật
		(1) = (2) + (3) + (4)	(2)	(3)	(4)
I	**Tổ chức**				
1.	ĐK				
2.	CĐK				
II	**Cá nhân**				
1.	**Luật sư**				
1.1.	ĐK				
1.2.	CĐK				
2.	**Tư vấn viên pháp luật**				
2.1.	ĐK				
2.2.	CĐK				

Ghi chú:
Các chữ viết tắt:
+ ĐK: đã đăng ký tham gia TGPL
+ CĐK: chưa đăng ký tham gia TGPL

IV. Số liệu về Câu lạc bộ

Số lượng Câu lạc bộ		Tình trạng hoạt động	
Nguồn hình thành	**Số lượng**	**Đang hoạt động**	**Không hoạt động**
	(5) = (5a) + (5b)	(5a)	(5b)
CTGN			
CT 135 giai đoạn II			
QĐ 52			
Quỹ TGPL			
DA			
Ngân sách địa phương			
Tổng			

Ghi chú:
CTGN: Chương trình giảm nghèo
DA: dự án
CT 135 giai đoạn II: Chương trình 135 giai đoạn II
QĐ 52: Quyết định 52/2010/QĐ-TTg

Phụ lục 3
TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỤ VIỆC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ TỪ 01/01/2007 – 31/12/2014

I. Số liệu về vụ việc trợ giúp pháp lý*

Thời gian	Người thực hiện	Lĩnh vực								TS (9)	Hình thức						Địa điểm				
		HS (1)	DS (2)	HN GD (3)	HC KN (4)	ĐĐ (5)	LĐ (6)	PL UĐ (7)	K (8)		Tư vấn (10)	TGTT ĐĐ, BV (11)	TGTT BC (12)	ĐD NTT (13)	HG (14)	K (14a)	Trụ sở TT (15)	Trụ sở CN (15a)	Trụ sở TC. ĐKTG TGPL (16)	LĐ (17)	K (18)
2007	TGV (19)																		-		
	CTV-LS (20)																		-		
	CTVK (21)																		-		
	LS –TC.ĐK.TGPL (22)																-	-			
	TVVPL- TC.ĐK.TGPL (23)																-	-			
	Tổng 1																				
2008	TGV (19)																		-		
	CTV-LS (20)																		-		
	CTVK (21)																		-		
	LS –TC.ĐK.TGPL (22)																-	-			
	TVVPL- TC.ĐK.TGPL (23)																-	-			
	Tổng 2																				
2009	TGV (19)																		-		
	CTV-LS (20)																		-		
	CTVK (21)																		-		
	LS –TC.ĐK.TGPL (22)																-	-			
	TVVPL- TC.ĐK.TGPL (23)																-	-			
	Tổng 3																				
2010	TGV (19)																		-		
	CTV-LS (20)																		-		
	CTVK (21)																		-		
	LS –TC.ĐK.TGPL (22)																-	-			
	TVVPL- TC.ĐK.TGPL (23)																-	-			
	Tổng 4																				
2011	TGV (19)																		-		
	CTV-LS (20)																		-		
	CTVK (21)																		-		
	LS –TC.ĐK.TGPL (22)																-	-			
	TVVPL- TC.ĐK.TGPL (23)																-	-			
	Tổng 5																				

2012	TGV (19)																					
	CTV-LS (20)																					
	CTVK (21)																					
	LS –TC.ĐK.TGPL (22)																					
	TVVPL- TC.ĐK.TGPL (23)																					
	Tổng 6																					
2013	TGV (19)																					
	CTV-LS (20)																					
	CTVK (21)																					
	LS –TC.ĐK.TGPL (22)																					
	TVVPL- TC.ĐK.TGPL (23)																					
	Tổng 7																					
2014	TGV (19)																					
	CTV-LS (20)																					
	CTVK (21)																					
	LS –TC.ĐK.TGPL (22)																					
	TVVPL- TC.ĐK.TGPL (23)																					
	Tổng 8																					
Tổng số:																						

Tổng số = Tổng 1 + Tổng 2 + Tổng 3 + Tổng 4 +...+ Tổng 8

Cột (9) = (1+2+...+8) = (10+11+...+14+14a) = (15+ 15a+...+18)

II. Số liệu về người được trợ giúp pháp lý*

Diện / Thời gian	Người nghèo (24)	Người có công (25)	Người già (26)	Trẻ em (27)	Người khuyết tật (28)	Người HIV (29)	Người dân tộc (30)	Nạn nhân của mua bán người (31)	Người được TGPL khác (32)	TS (33) = (24) + (25) + ...+ (32)
2007										
2008										
2009										
2010										
2011										
2012										
2013										
2014										
Tổng số:										

Ghi chú:

Đề nghị thống kê số vụ việc, số lượt người được TGPL thực tế do Trung tâm thực hiện đúng diện đối tượng, có ghi trnng sổ thụ lý vụ việc, có lập hồ sơ vụ việc TGPL đầy đủ.

Số liệu vụ việc lấy từ sổ sách ghi chép ban đầu của Chi nhánh trợ giúp pháp lý và Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh; từ sổ sách ghi chép ban đầu của các tổ chức đăng ký thum gia trợ giúp pháp lý.

(-) : Không phải điền số liệu

**: Đánh số "0" vào những ô không có số liệu*

(1): Pháp luật hình sự, tố tụng hình sự và thi hành án hình sự
(2): Pháp luật dân sự, tố tụng dân sự và thi hành án dân sự
(3): Pháp luật hôn nhân gia đình và pháp luật về trẻ em
(4): Pháp luật hành chính, khiếu nại tố cáo và tố tụng hành chính
(5): Pháp luật đất đai, nhà ở, môi trường và bảo vệ người tiêu dùng
(6): Pháp luật lao động, việc làm, bảo hiểm
(7): Pháp luật ưu đãi người có công với cách mạng và pháp luật về chính sách ưu đãi xã hội khác
(8): Lĩnh vực pháp luật khác liên quan đến chương trình mục tiêu quốc gia xoá đói, giảm nghèo hoặc liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân
(9): Tổng số
(11): Đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp
(12): Bào chữa
(13): Đại diện ngoài tố tụng
(14): Hòa giải
(14a): Hình thức trợ giúp khác
(15): Trụ sở Trung tâm
(15a):Trụ sở Chi nhánh
(16): Trụ sở tổ chức đăng ký tham gia TGPL
(17): Lưu động
(18): Khác
(19): Trợ giúp viên pháp lý
(20): Cộng tác viên là luật sư
(21): Cộng tác viên khác
(22): Luật sư là thành viên của tổ chức đăng ký tham gia TGPL
(23): Tư vấn viên pháp luật là thành viên của tổ chức đăng ký tham gia TGPL
(24): Người nghèo
(25): Người có công với cách mạng
(26): Người già cô đơn không nơi nương tựa
(27): Trẻ em không nơi nương tựa
(28): Người khuyết tật không nơi nương tựa
(29): Người bị nhiễm HIV không nơi nương tựa
(30): Người dân tộc thiểu số thường trú ở vùng có điều kiện
(31): Nạn nhân theo quy định của pháp luật phòng, chống, mua bán người
(32): Người được TGPL khác theo quy định của pháp luật TGPL (người bị bệnh làm mất năng lực hành vi dân sự mà không có nơi nương tựa, các đối tượng khác được TGPL theo quy định của điều ước quốc tế…)

Phụ lục 4

KẾT QUẢ TẬP HUẤN, TRỢ GIÚP PHÁP LÝ LƯU ĐỘNG VÀ SINH HOẠT CÂU LẠC BỘ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

(Từ năm 01/01/2007 đến 31/12/2014)

Tập huấn		TGPL lưu động		Sinh hoạt Câu lạc bộ				
				Thành viên		Đợt sinh hoạt	Người tham dự	Vụ việc
Đợt tập huấn	Người tham dự	Đợt lưu động	Người tham dự	Tổng số	Số thành viên Ban Chủ nhiệm là cộng tác viên trợ giúp pháp lý			

Phụ lục 5

TÌNH HÌNH CẤP, SỬ DỤNG KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

(Từ năm 01/01/2007 đến 30/12/2014)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Năm	Chương trình MTQGN (nếu có)	Chương trình 135 (nếu có)	Dự án (nếu có)	Nguồn khác (nếu có)	Ngân sách địa phương = (5) + (6) +...+ (11)							Tổng số kinh phí
					Chi lương	Chi nghiệp vụ = (6) + (7) +...+(10)					Chi khác	
						Chi thực hiện vụ việc = (6) + (7) + (8) + (9)				Hoạt động nghiệp vụ khác (b)		
						TV	TGTT	DDNTT	Hình thức TGPL khác (a)			
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12) = (1) + (2) +...+ (11)
2007												
2008												
2009												
2010												
2011	-	-										
2012	-	-										
2013	-	-										
2014	-	-										
Tổng số:												

(a): Các hình thức TGPL khác (hòa giải,...)

(b): Kinh phí thực hiện các hoạt động nghiệp vụ khác (tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ TGPL, Câu lạc bộ TGPL, TGPL lưu động, truyền thông...)

(-) : Không phải điền số liệu